

Dĩ An, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Kiều Thị Uyên.

Thư ký phiên họp: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 07/2025/TLST-VLĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 04/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Phan Thị H, sinh năm 1993; thường trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: Số H, đường số C, khu dân cư B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1995; thường trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: Số H, đường số C, khu dân cư B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Công ty CP S; địa chỉ: Khu công nghiệp B, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/01/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 27/12/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu bà Phan Thị H trình bày:

Từ tháng 06/2011 đến nay, bà H làm việc tại Công ty TNHH F, địa chỉ: Khu chế xuất S, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7911267581. Đến nay, bà H tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: là do em gái ruột của bà H tên Phan Thị H1, sinh năm 1995 sử dụng thông tin của bà để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S từ tháng 4/2011 đến tháng 01/2014, có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7411116619. Đồng thời gian đó, bà H giao kết hợp đồng lao động với TNHH F, địa chỉ: Khu chế xuất S, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7911267581.

Do đó, bà H bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 4/2011 đến tháng 01/2014 tương đương với thời gian bà Phan Thị H1 mượn hồ sơ lao động của bà H.

Vào thời điểm năm 2011, bà Phan Thị H1 không đủ hồ sơ để ứng tuyển lao động. Bà Phan Thị H1 là em ruột của bà H nên bà H đã hỗ trợ bà Phan Thị H1 mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, nay bà H có yêu cầu: Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H và Công ty cổ phần S vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần S:

Đã được tòa án thông báo nội dung khởi kiện và tổng đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Phan Thị H, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết việc lao động.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty cổ phần S cho người lao động thì Công ty cổ phần S có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Phan Thị H, sinh năm 1993, số CCCD 044193014003, với mã số BHXH 7411116619 từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2014 tại Công ty cổ phần S chưa nhận trợ cấp BHXH.

Ngoài ra, bà Phan Thị H còn có mã số 7911267581 có quá trình tham gia từ tháng 6/2011 đến tháng 01/2025 tại TNHH F (Việt Nam).

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Phan Thị H và Công ty cổ phần S, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty cổ phần S có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không?

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Phan Thị H, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Phan Thị H phía Bảo hiểm xã hội Thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1 trình bày:

Bà Phan Thị H1 là em gái ruột của bà Phan Thị H, vào thời điểm 04/2011, bà H1 chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết

về mặt pháp luật nên bà H1 đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của bà H để làm hồ sơ lao động.

Bà H1 đã mượn thông tin cá nhân của bà H và đã làm việc tại Công ty cổ phần S khoảng từ 04/2011 đến tháng 01/2014, sau đó bà H1 nghỉ việc tại Công ty cổ phần S.

Vì vậy, bà H đã bị đóng trùng bảo hiểm từ 04/2011 đến tháng 01/2014.

Nay, đối với yêu cầu của bà Phan Thị H về việc tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H và Công ty Cổ phần S vô hiệu thì bà H1 đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty cổ phần S vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2014, người lao động tên Phan Thị H, sinh năm 1993, số CCCD 044193014003, được Công ty cổ phần S tham gia BHXH, BHYT, BHTN với mã số BHXH 77411116619. Quan hệ lao động giữa Công ty cổ phần S và bà Phan Thị H phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 04/2011 đến tháng 01/2014. Tuy nhiên, bà Phan Thị H và bà Phan Thị H1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2014 theo hợp đồng lao động là bà Phan Thị H1, không phải bà Phan Thị H, do bà H1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà H để đi làm việc. Đối với bà H trong thời gian này đang thực tế làm việc tại TNHH F (Việt Nam) có mã số bảo hiểm xã hội là 7911267581. Mục đích mượn giấy tờ là để bà H1 có việc làm do thời gian này bà H1 chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà H và bà H1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2014 bà Phan Thị H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần S và từ tháng 6/2011 đến tháng 01/2025 bà Phan Thị H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại TNHH F (Việt Nam). Xét thấy việc bà H1 lấy tên bà H để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Phan Thị H yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H (do bà Phan Thị H1 mượn tên) với Công ty cổ phần S là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác

định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Phan Thị H bị trùng từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2014. Do đó, bà Phan Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty cổ phần S với bà H (do bà H1 sử dụng thông tin của bà H để ký) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Phan Thị H phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Phan Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H, sinh năm 1993; thường trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: Số H, đường số C, khu dân cư B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (do bà Phan Thị H1 ký kết) với Công ty cổ phần S vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Phan Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0007641 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên